



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Mô hình toán kinh tế

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm                 | Tên    | Ngày sinh  | Lớp        | Lớp HP | Phách | Điểm thi | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------------|--------|------------|------------|--------|-------|----------|-------|--------|---------|
| 1   | 000001 | 1001021407 | Ngô Minh               | Tâm    | 08/08/2004 | KD10C      | 16     | 11    | 6,5      | 01    | Chị Lê |         |
| 2   | 000002 | 1001021516 | Nguyễn Thị Anh         | Đào    | 13/02/2004 | KD10D      | 16     | 2     | 4,5      | 01    | Đào    | Chấn    |
| 3   | 000003 | 0901010076 | Lương Hoàng            | Anh    | 26/09/2003 | KD9E       | 16     |       |          |       |        | X       |
| 4   | 000004 | 1001010773 | Tôn Ngọc               | Dương  | 14/05/2004 | NH10A      | 16     | 3     | 4,0      | 01    | Đức    | Chấn    |
| 5   | 000005 | 0901010134 | Tổng Đăng              | Minh   | 23/11/2003 | NH9A       | 16     | 4     | 7,5      | 01    | Mười   | Lê      |
| 6   | 000006 | 0901010981 | Mai Thùy               | Vân    | 30/04/2003 | NH9A       | 16     | 5     | 5,0      | 01    | Vân    | Chấn    |
| 7   | 000007 | 1001031207 | Trương Mạnh            | Cường  | 10/02/2004 | QT10B      | 16     | 6     | 4,5      | 01    | Cường  | Lê      |
| 8   | 000008 | 1001030524 | Phạm Văn Trung         | Đức    | 08/12/2004 | QT10B      | 16     | 7     | 4,0      | 01    | Đức    | Chấn    |
| 9   | 000009 | 1101030508 | Bùi Minh               | Chiến  | 28/10/1997 | QT11C      | 16     | 8     | 5,0      | 01    | Mười   | Lê      |
| 10  | 000010 | 1101031162 | Phạm Ngọc              | Cường  | 09/07/1985 | QT11C      | 16     | 9     | Không    | 02    | Đức    | Chấn    |
| 11  | 000011 | 1101021458 | Nguyễn Sỹ              | Đạt    | 11/06/2004 | QT11C      | 16     | 10    | 5,0      | 01    | Đạt    | Lê      |
| 12  | 000012 | 1101031266 | Đỗ Thế                 | Đức    | 29/04/2003 | QT11C      | 16     | 11    | 4,0      | 01    | Đức    | Chấn    |
| 13  | 000013 | 1101031392 | Trần Minh              | Đức    | 17/10/2001 | QT11C      | 16     | 12    | 6,5      | 01    | Đức    | Chấn    |
| 14  | 000014 | 1101031434 | Nguyễn Hữu             | Lương  | 10/08/2000 | QT11C      | 16     | 13    | Không    | 02    | Đức    | Chấn    |
| 15  | 000015 | 1101081351 | Lê Thị Thu             | Phương | 23/02/2001 | QT11C      | 16     | 14    | 7,0      | 01    | Đức    | Lê      |
| 16  | 000016 | 1101021457 | Đàm Anh                | Thu    | 02/05/2004 | QT11C      | 16     | 15    | 4,0      | 01    | Thu    | Chấn    |
| 17  | 000017 | 1101021318 | Nguyễn Anh             | Tú     | 31/07/1998 | QT11C      | 16     | 16    | 4,5      | 01    | Tú     | HP      |
| 18  | 000018 | 1101030740 | Nguyễn Thị Phương Uyên | Uyên   | 05/11/2005 | QT11C      | 16     | 17    | 3,5      | 01    | Uyên   | HP      |
| 19  | 000019 | 1101030464 | Nguyễn Thị             | Yến    | 11/02/2005 | QT11C      | 16     | 18    | 8,0      | 01    | Yến    | Lê      |
| 20  | 000020 | 1102031431 | Trịnh Văn              | Hào    | 03/02/1995 | QT11C_VLVH | 16     | 19    | 4,0      | 01    | Hào    | Chấn    |
| 21  | 000021 | 1102031441 | Nguyễn Hữu             | Lĩnh   | 03/12/1989 | QT11C_VLVH | 16     | 20    | Không    | 02    | Đức    | Lê      |
| 22  | 000022 | 1102031248 | Lưu Đình               | Tú     | 10/11/1994 | QT11C_VLVH | 16     | 21    | Không    | 02    | Đức    | Chấn    |
| 23  | 000023 | 1102031249 | Trịnh Hữu              | Tú     | 01/01/1992 | QT11C_VLVH | 16     | 22    | 5,0      | 01    | Đức    | Lê      |
| 24  | 000024 | 1001010849 | Đỗ Minh                | Quân   | 02/02/2004 | TC10A      | 16     | 23    | 4,0      | 01    | Đức    | Chấn    |
| 25  | 000025 | 1001030597 | Đoàn Gia               | Linh   | 14/10/2003 | TC10B      | 16     | 24    | 5,5      | 01    | Đức    | Lê      |

Tổng số sinh viên dự thi: 24...

Tổng số tờ giấy thi: 28 28

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 13 tháng 05 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Việt Hoàng

Đỗ Thị Vui